

C.TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120/CV-PT

V/v: Công bố thông tin về tình
hình tài chính năm 2024

Bình Định, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công ty cổ phần Phú Tài gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phú Tài
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100259236
- Ngày cấp: 30/12/2004 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định
- Địa chỉ trụ sở chính: 278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Số điện thoại: 0256 3847668
- Số fax giao dịch: 0256 3847556
- Địa chỉ thư điện tử: myloan.ptb@phutai.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: gỗ, đá, kinh doanh ô tô
- Mã số thuế: 4100259236

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo (trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, các chỉ tiêu tài chính sử dụng số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất, đồng thời ghi rõ nguồn báo cáo) (Nguồn gốc báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	2.776.717.951.706	3.032.888.999.676
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	669.384.030.000	669.384.030.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.635.896.772.394	1.648.102.008.793
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418.222.554.667	585.810.663.087
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	53.214.594.645	129.592.297.796
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	2.487.058.359.709	2.456.243.952.304
- Nợ vay ngân hàng	1.621.260.313.467	1.552.410.879.816
- Nợ vay từ phát hành trái phiếu	47.700.000.000	
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	47.700.000.000	
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước		
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế		
- Nợ phải trả khác	818.098.046.242	903.833.072.488
+ Phải trả người bán ngắn hạn	499.008.561.005	516.450.394.304

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45.771.192.387	68.886.197.866
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	46.354.295.700	57.268.395.369
+ Phải trả người lao động	94.950.389.026	114.451.023.265
+ Chi phí phải trả ngắn hạn	19.823.250.083	31.218.390.054
+ Phải trả ngắn hạn khác	27.636.221.167	27.420.304.513
+ Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.206.231.131	2.158.999.718
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	63.228.246.001	62.883.095.208
+ Phải trả dài hạn khác	427.789.200	381.889.200
+ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.749.401.376	6.076.244.664
+ Dự phòng phải trả dài hạn	14.942.469.166	16.638.138.327
3. Cơ cấu vốn (lần):		
- Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,47	0,45
- Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,90	0,81
4. Khả năng thanh toán (lần):		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	1,25	1,41
- Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	0,63	0,79
- Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	3,76	7,05
5. Dự nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần):		
- Hệ số tổng dự nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu	0.02	
- Hệ số dự nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu	0.02	
6. Lợi nhuận (đồng):		
- Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	322.753.317.301	471.981.832.117
- Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	259.467.307.655	376.311.422.056
- Lỗ lũy kế (nếu có)		
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%):		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,34	6,86
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,93	12,41
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán...) (nếu có)		

Ghi chú: * Kỳ trước là cùng kỳ 06 tháng của năm trước đối với kỳ báo cáo 06 tháng và cùng kỳ của năm trước đối với kỳ báo cáo năm.

** Số liệu về tình hình tài chính được tính toán từ báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện

*** Trường hợp trái phiếu/khoản vay bằng ngoại tệ thì sử dụng tỷ giá quy đổi tại thời điểm lập báo cáo, theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**** Đối với các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành có quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính, phải nêu rõ: loại hình doanh nghiệp, các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định tại pháp luật nào chuyên ngành, các chỉ tiêu theo báo cáo tài chính được kiểm toán là bao nhiêu và nêu rõ doanh nghiệp có đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật không.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét/báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện: *(nếu rõ tên tổ chức kiểm toán và ý kiến của tổ chức kiểm toán)*

Tên công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ý kiến của kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)



Nguyễn Thị Mỹ Loan
Kế toán trưởng

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG
TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN THẢO

